

ỨNG XỬ XÃ HỘI VÀ NHU CẦU NHÀ Ở

GS.PTS TRƯƠNG QUANG THAO

Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

CẦN nói ngay rằng thiết kế kiến trúc nhà ở không chỉ đơn giản là vẽ mặt bằng mặt trước của ngôi nhà. Đó là việc tổ chức không gian nhà ở. Không gian đó phải đáp ứng những nhu cầu ở của các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân đô thị, đặc biệt là những người ăn lương Nhà nước. Vậy mà cho đến nay, nhiều nhà kiến trúc của chúng ta hầu như không lưu ý gì đến nhu cầu của đối tượng mà, vì họ, nhà kiến trúc phải quan niệm ra ngôi nhà. Một con đường mòn đã hình thành : lập nhiệm vụ thiết kế, thông qua các cấp xét duyệt, thiết kế chi tiết và bản vẽ thi công, bàn giao cho bên xây dựng và...lại bắt đầu thiết kế ngôi nhà khác. Ngôi nhà xây xong và nhà kiến trúc cùng bên xây lắp bàn giao cho bên phân phối. Thế là xong. Họ lại bắt tay vào việc ((nghĩ ra)), ((sáng tác)) ra những mẫu nhà khác, mà không hề lưu ý đến ngôi nhà đã dựng xong, xem thử người ở đã xử sự như thế nào với ngôi nhà mà họ đã thiết kế. Nên chẳng cần tổ chức việc ((xem thử)) ấy một cách có hệ thống, một thứ kỷ luật đối với người thiết kế phải rút kinh nghiệm bằng những quan sát xã hội học đối với những công trình, nhất là nhà ở, đã được thiết kế và xây dựng ? Kết quả của những quan sát tương tự sẽ lại được đưa vào các thiết kế mới và nhà kiến trúc sẽ rút ra được những bài học và không phạm những sai sót đã vấp phải. Các nghiên cứu xã hội học như thế được gọi là các quan sát hồi suy. Chúng tôi đã cùng Viện Thiết kế nhà ở Hà Nội tiến hành những quan sát như thế từ năm 1970-1980, vừa nhằm thử nghiệm một phương pháp nghiên cứu khoa học trong kiến trúc, vừa rút kinh nghiệm việc thiết kế nhà ở tại Hà Nội trong những năm nói trên. Bài viết này sẽ trình bày hai phần : phần phương pháp luận về lý thuyết ứng xử xã hội và phần về các kết quả của các quan sát hồi suy.

Có thể nói, xã hội học xây dựng đô thị được xây dựng trên cơ sở của lý thuyết xã hội học về ứng xử xã hội. Các nhà kiến trúc nhận thức được nhu cầu xã hội đối với nhà ở thông qua các ứng xử xã hội của người ở. Do vậy, để tránh các giải pháp kiến trúc chủ quan, cần tiến hành các quan trắc xã hội về ứng xử của người ở đối với không gian ở, và qua đó mà ((đọc)) ra các nhu cầu ở của họ.

Nhưng ứng xử là gì?

Ứng xử là một khái niệm xã hội học chỉ những hành vi, cử chỉ, thái độ, nguyện vọng, ý đồ và mong muốn...trước những hành vi, cử chỉ, thái độ, nguyện vọng, ý đồ và mong muốn...khác của các cá thể cũng như của các nhóm xã hội và tập thể xã hội trong đời sống. Những hành vi, cử chỉ, thái độ của người ở đối với không gian ở sẽ là ứng xử của họ đối với không gian ở và thông qua đó mà nhu cầu ở của họ được bộc lộ.

Song nhu cầu ở có nhu cầu cá thể và nhu cầu xã hội. Cái mà nhà kiến trúc cần không phải là nhu cầu của từng người, cho dù người ấy có lỗi lạc đến đâu, mà là nhu cầu xã hội, tức là nhu cầu rút ra từ sự quan sát ứng xử của các nhóm và tập thể xã hội. Do vậy mà nhà kiến trúc cần quan trắc các ứng xử xã hội đối với không gian ở.

Ứng xử xã hội của các nhóm xã hội thường được biểu thị dưới hai dạng hiển hiện và tiềm tàng. Dạng hiển hiện được thể hiện qua những hành vi cụ thể đối với không gian ở mà họ đang sử dụng, và ứng xử loại này có thể quan sát trực tiếp tại môi trường ở trong sự đối sánh với không gian ở được thiết kế, tức là cái mà nhà kiến trúc và xây dựng đã ((cung cấp)) cho họ. Bằng những quan sát như thế, dĩ nhiên là phải có ghi chép, thống kê và suy niệm theo đúng bài bản của các quan trắc xã hội học đối với những công trình theo cùng một thể loại đã thực hiện, nhà kiến trúc có thể rút ra những bài học thật sự bổ ích từ những không gian mà họ đã tổ chức cho người ở để rồi sẽ đưa vào trong không gian ở họ sắp tổ chức.

Dạng tiềm tàng của ứng xử xã hội đối với không gian ở thể hiện qua ý kiến và nguyện vọng của người ở đối với không gian ở đã được tổ chức (thường là những thiếu sót và dư thừa vô bổ) hoặc chưa được tổ chức. Ứng xử loại này, nếu được tiến hành nghiêm chỉnh theo thể thức của một cuộc điều tra xã hội học bằng phỏng vấn trực tiếp hoặc bằng phiếu thăm dò (với các câu hỏi đóng hoặc mở), sẽ giúp cho các nhà kiến trúc thu góp được những thông tin bổ ích cho công việc thiết kế sắp tới của mình.

Bằng cách tìm hiểu các ứng xử xã hội, cả hiển hiện lẫn tiềm tàng, của người ở đối với môi trường ở, nhà kiến trúc sẽ biết một cách xác thực nhu cầu và nguyện vọng của họ đối với không gian ở mà nhà kiến trúc đã và sẽ tổ chức cho họ. Với cách làm đó, nhà kiến trúc sẽ tránh được những giải pháp mà nhiều khi họ tự cho là hay nhất, tốt nhất, tối ưu nhất...song lại không đáp ứng những đòi hỏi của người ở. Đó cũng là con đường tốt nhất để thực thi dân chủ trong kiến trúc. Bởi vì, việc treo các bản vẽ mặt bằng, mặt trước...để lấy ý kiến quần chúng, xét cho cùng, chỉ là một việc làm hình thức chủ nghĩa. Vì có phải ai cũng đọc, cũng hiểu được bản vẽ đâu.

Cho nên, những nghiên cứu hồi suy được tổ chức theo những phương pháp quan trắc xã hội nghiêm chỉnh nhằm rút ra những nhu cầu xã hội đối với vấn đề ở là phương thức thăm

dò dư luận tốt và khoa học giúp cho các nhà kiến trúc có nhiều thông tin về ứng xử của người ở với không gian ở đã được tạo nên cũng như những nhu cầu đối với không gian ở sẽ được tạo nên trong tương lai.

Theo tinh thần và phương pháp đó, chúng tôi đã cùng Viện Thiết kế nhà ở Hà Nội tiến hành một số quan sát hồi suy nhằm kiểm tra lại định mức có cùng vài khía cạnh về dân số học của nhà ở căn hộ hiện nay ở Hà Nội, giải pháp của các không gian dành cho các chức năng ở (giải pháp thiết kế các khu chính, khu phụ), nhu cầu đồ gỗ trong các hộ gia đình cũng như ứng xử của người ở trong việc tu sửa các bộ phận trong căn hộ ở của họ. Việc quan sát được tiến hành theo đúng tiến trình khoa học của một cuộc nghiên cứu xã hội học thực nghiệm từ chọn mẫu điều tra (dùng phương pháp hỗn hợp), xử lý thông kê nhằm rút ra các thông tin cấp I (trên máy tính điện tử) đến xử lý thông tin cấp II nhằm rút ra những kết luận về nhu cầu ở theo các bình diện nói trên. Sau đây là những nhận định rút ra từ cuộc nghiên cứu đó, lần lượt theo các khía cạnh vừa nêu.

1. Qua những khu nhà ở vừa xây dựng ở Hà Nội trong 10 năm (1970-1980), ta thấy rằng kiểu hộ gia đình đầy đủ hai thế hệ là kiểu phổ cập hiện nay ở Hà Nội. Tuy rằng ở nhiều nơi ta vẫn còn quan sát thấy những kiểu hộ gia đình ((tam đại đồng đường)) (ba thế hệ cùng ở chung dưới một mái nhà), hộ tập thể (nhiều cặp gia đình không có quan hệ huyết thống cùng sống một căn hộ), hộ gia đình khiếm khuyết, v.v...nhưng chúng chỉ chiếm tỷ lệ không đáng kể. Nhìn chung xu hướng hình thành những hộ gia đình hai thế hệ đã thấy rõ nét, và đó chính là đặc trưng của quá trình đô thị hóa, mà ta có thể xem như thực sự bắt đầu, xét ở góc độ của sự hình thành các nhóm xã hội nhỏ. Song đây chưa là xu thế phổ cập, bởi việc quan sát chỉ tiến hành ở những khu nhà mới mà các chủ hộ tuyệt đại bộ phận là những người ăn lương Nhà nước.

Trên đại thể, quy mô nhân khẩu trung bình của các hộ ở là khoảng 5 người (chính xác là 4.9), gần tương đương với trị số của chỉ báo tương ứng lấy chung cho toàn thành phố Hà Nội là 4,6 người/hộ. Điều thú vị là những nơi có nhân khẩu bình quân theo hộ thấp nhất là các khu Trung Tự và tập thể Đại học Bách Khoa, tức là những nơi mà người ở giới trí thức hoặc viên chức Nhà nước bậc trung và cao. Nơi có số nhân khẩu bình quân tính theo hộ cao nhất là khu Mai Hương nơi có thành phần xã hội đa dạng hơn trong các hộ ở. Một kết luận nhỏ có thể rút ra từ đây, đồng thời cũng là một chiều thể mang tính quy luật : ở đâu có trình độ học vấn của người ở càng cao thì ở đó ứng xử của họ đối với vấn đề sinh đẻ càng ((văn minh)) hơn và do vậy mà quy mô nhân khẩu gia đình cũng thấp hơn.

Một điều cũng khá ngỡ ngàng đối với chúng tôi là bình quân diện tích ở tương đối cao : 4,75m²/người so với tiêu chuẩn tính toán và phân phối 4,5m²/người. Ở những khu mới đưa

vào phân phối cho người ở như Trung Tự chẳng hạn thì diện tích bình quân ở đây cao hơn (6,33m²/người), còn ở nơi khu ở đi vào ổn định thì bình quân diện tích có nhỏ hơn như Mai Hương chẳng hạn là 3,79m²/người. Song cái đáng lưu tâm ở đây là hầu như không thấy ai phàn nàn về việc diện tích bình quân quá thấp, mà lại kêu ca về chất lượng xây dựng nhiều hơn. Từ đó ta có thể suy nghĩ là diện tích theo tiêu chuẩn từ 4,5-6m²/người là cái có thể được xã hội chấp nhận, và cái quan trọng hơn là sự tổ chức không gian ở và chất lượng xây dựng.

2. Cần nói ngay rằng, chúng ta chưa có kinh nghiệm nhiều trong việc thiết kế và xây dựng kiểu nhà căn hộ, cho nên việc tổ chức các khu vực chức năng khác nhau trong căn hộ còn mang dáng dấp của sự rập khuôn và theo kiểu cách của sự tổ chức căn hộ ở tại các nước có trình độ kinh tế và mức sống cao hơn ta. Thêm vào đó, việc tìm hiểu các chức năng ở cung không được tiến hành một cách đều đặn và khoa học (thậm chí không hề lưu ý đến điều đó nữa). cho nên không phản ánh được nhu cầu của người ở đô thị của ta hiện nay trong tổ chức cán bộ.

Trước hết, cần nhấn mạnh một điều là các hệ số K1 và K2 của nhà ở căn hộ chúng ta phải khác so với các trị số tương ứng của Liên Xô mà chúng ta vẫn lấy làm chuẩn để định hướng công việc thiết kế nhà ở của ta. Vượt lên cái khô khan của các con số, những hệ số này phản ánh mối quan hệ giữa các diện tích ở chính và diện tích ở phụ, và sự tổ chức khu chính – khu phụ trong căn hộ ở. Khu phụ của chúng ta có nhiều nguyên do để tăng diện tích do sự hiện diện của một số chức năng sinh hoạt gia đình mà người châu Âu không phải quan tâm : cất giữ những phương tiện đi lại (xe đạp, xe máy), tàng trữ lương thực, thực phẩm khô và ướt cùng chất đốt, hành nghề phụ cũng như việc cất giữ những thứ nhật nhật được do đời sống còn chưa cao đặt ra. Do vậy mà ta có thể suy nghĩ rằng, nên hạ thấp các hệ số k1 và k2 xuống, nói cách khác, tức là tăng nhu cầu đòi hỏi với khu phụ.

Thứ hai, do tiêu chuẩn ở của chúng ta chưa cao, nên việc kết hợp nhiều chức năng ở trong một không gian nhất định vẫn còn là xu thế nổi bật. Nhưng cũng từ đó lại thấy xuất hiện ngày càng rõ nét khu biệt hóa các chức năng ở cụm sau đây : sinh hoạt chung-tiếp-khác-(làm nghề phụ)-(làm việc) : ngủ - làm việc – học tập ; nấu nướng – giặt giũ – vệ sinh cá nhân – để xe – tàng trữ các thứ linh tinh – làm nghề phụ. Xu thế khu biệt hóa đó vẫn còn mang một độ mềm dẻo nhất định, và, vì do tiêu chuẩn chưa cao, nên nhiều lúc chưa rõ nét. Linh cảm với xu thế ấy, các kiến trúc sư gần đây thường quan niệm ở với ba không gian : phòng chung, phòng ngủ, bếp-xí-tắm. Đó là quan niệm lành mạnh, song nhiều lúc lại sa vào manh mún gây khó khăn cho việc sắp xếp chỗ ở của chính người ở.

Thứ ba, cuộc điều tra cho thấy rằng, trong sự sắp xếp không gian chức năng cùng vật dụng, người ở vẫn còn nặng tâm lý ((trước – sau)), vốn rất còn thịnh hành trong nhà ở nông

thôn và nhà ở dân gian đô thị : cái tốt, cái đẹp, cái khang trang được đưa ra trước, còn cái xấu, cái bẩn, cái lộn xộn được đưa ra sau. Điều này còn nặng nề đến mức, ngay cả những căn hộ của những gia đình có thu nhập khá, phía sau họ bao giờ cũng xấu xí hơn trước rất nhiều. Đây là điểm cần được lưu ý, vì rằng theo cách xếp đặt các nhà nhiều tầng hiện nay, để đảm bảo đúng hướng, các nhà thường song song với nhau và mặt trước nhà này lại nhìn vào mặt hậu nhà kia, gây cảm giác khó chịu cho người ở. Và cũng từ đó không nên bố trí ban công và lôgia trồng ở phía có bếp vì đó sẽ chỉ là những chỗ để cho người ở làm nơi nuôi gà, thỏ, lợn hoặc chất chứa những thứ nhặt nhạnh được.

3. Phải thừa nhận một số khiếm khuyết của chủ trương giải quyết vấn đề ở là chúng ta chưa chú trọng đúng mức về trang thiết bị bên trong nhà. Khả năng và tiềm năng của chúng ta đủ để giải quyết vấn đề này. Cuộc điều tra cho thấy rằng nhu cầu của người ở không phải ở những thứ đồ xa xỉ, sang trọng và vượt quá túi tiền của những người ăn lương. Cái giường, cái tủ vẫn là những thứ có nhu cầu lớn. Phòng tiếp khách cũng vừa là phòng ăn nên người ở mong muốn có những đồ dùng bằng gỗ có giá trị để đặt vào đấy. Do tiêu chuẩn ở còn chật hẹp mà bộ xa lông đồ sộ sẽ chiếm nhiều chỗ, vừa kệt cớm nên người ta thích một bộ bàn ghế vừa làm bàn ăn, bàn tiếp khách và nếu cần có thể dùng làm nơi viết lách những khi cần thiết hoặc dùng cho con cái làm bàn học.

Xuất phát từ tiêu chuẩn ở trong tình hình kinh tế đất nước hiện nay và trong nhiều năm tới còn chưa cao, người ở càng bày tỏ nguyện vọng muốn có những trang bị đồ gỗ gọn nhẹ, không chiếm nhiều không gian, và nếu được ở dạng xếp gập được (ghế ngồi xếp được, đi vắng và giường cá nhân đình và gập vào tường, bàn viết đứng và gập vào giá sách.v.v...)

4. Chất lượng của không gian kiến trúc lệ thuộc vào chất lượng thi công công trình. Những ý kiến và lời phàn nàn, trái với nhiều người dự kiến, khuynh hướng về vấn đề diện tích chật hẹp, mà thiên về chất lượng hoàn thiện căn hộ ở cả về hoàn thiện kỹ thuật lẫn hoàn thiện thẩm mỹ. Người đô thị chúng ta đã bắt đầu quen với việc nấu bếp đứng, trong khi đó ở nhiều nơi vẫn chưa có chỗ cho người nội trợ soạn thức ăn ở tư thế đứng. Do việc cung cấp nước của thành phố nhìn chung chưa được tốt, nên việc bố trí chỗ làm bể nước vào cỡ 100-200 lít là một nhu cầu rõ nét. Chỉ cần nhìn lên bản sơ đồ tập hợp các ứng xử đối với việc tu sửa trong phạm vi căn hộ cũng thấy rằng người ở chúng ta còn rất quan tâm đến an toàn trong căn hộ ở. Rất tiếc là các kiến trúc sư chúng ta chưa chú ý đầy đủ chuyện này. Chất lượng thi công về chống thấm ở khu vực xí-tắm, ở các môi nối các tường bên trong, việc sơn các khung cửa, cánh cửa, việc lát nền sàn nhà... cũng là những thứ mà người ở yêu cầu có chất lượng hoàn thiện cao hơn. Tất cả những khía cạnh vừa đề cập, nếu được lưu ý của các nhà kiến trúc và

những người thi công thì sẽ dễ dàng khắc phục làm cho người ở dễ chịu hơn trong việc tiếp nhận các sản phẩm của những người xây dựng.

Nhìn chung lại, ta có thể rút ra những kết luận khái quát sau:

- Các quan sát hồi suy cần được tiến hành đều đặn, vì nó giúp cho các kiến trúc sư cũng như những

người xây dựng tìm hiểu được ứng xử của người ở và qua đó mà rút ra được những nhu cầu xã hội đối với vấn đề ở.

- Các nghiên cứu hồi suy cũng là cách tiếp cận khoa học nhất của những người xây dựng – kiến

trúc đối với đối tượng xã hội mà mình phục vụ nhằm tránh những giải pháp chủ quan.

- Các nghiên cứu hồi suy cũng giúp cho các nhà xã hội học, các nhà kiến trúc, các chuyên gia về tiêu chuẩn quy phạm pử, các nhà lãnh đạo giải quyết vấn đề ở những tư liệu cần thiết để đề ra những chủ trương đúng đắn, hợp với nhu cầu của người ở.